TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 09 - 8 - 2023.
"V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Danh.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Phước N, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Lâm Phước N trình bày:

Vào năm 1989, ông N và bà D kết hôn với nhau , kết hôn trên cơ sở tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, ông N và bà D sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu không công nhận mối quan hệ của ông với bà Phạm Thị D là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, ông N và bà D có ba người con tên là Lâm Thị Tuyết P, sinh ngày 04/11/1989; Lâm Thị T, sinh ngày 04/02/1991; Lâm Thị T1, sinh ngày 10/5/1996. Nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn giống như lời trình bày của ông N. Nay ông N yêu cầu không công nhận mối quan hệ của ông với bà Phạm Thị D là vợ chồng bà đồng ý.

Trong quá trình chung sống, ông N và bà D có ba người con tên là Lâm Thị Tuyết P, sinh ngày 04/11/1989; Lâm Thị T, sinh ngày 04/02/1991; Lâm Thị T1, sinh ngày 10/5/1996. Nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Lâm Phước N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa ông với bà Phạm Thị D là vợ chồng. Xét yêu cầu của Ông Lâm Phước N Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lâm Phước N và bà Trần Thị D chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Đối chiếu với điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 cùa Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định "Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội họ không được công nhận là vợ chồng" và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc Hội quy định "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có N vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"

Bên cạnh đó, tại phiên tòa bà Phạm Thị D đồng ý không công nhận mối quan hệ của bà và ông N là vợ chồng nên Hội đồng xét xử đối chiếu điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc Hội; điểm b mục 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 cùa Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều

14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận mối quan hệ của ông N và bà D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D xác định trong thời gian chung sống ông, bà có ba người con chung tên Lâm Thị Tuyết P, sinh ngày 04/11/1989; Lâm Thị T, sinh ngày 04/02/1991; Lâm Thị T1, sinh ngày 10/5/1996. Xét thấy, các con đã trưởng thành và ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D cho rằng trong thời gian chung không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D cho rằng trong thời gian chung không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Lâm Phước N phải chịu án phí theo quy định nhưng N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc Hội; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D cho rằng các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D cho rằng trong thời gian chung không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Phước N và bà Phạm Thị D cho rằng trong thời gian chung không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Phước N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông Lâm Phước N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông Lâm Phước N được miễn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Bà Trần Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tựphúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tâm;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng (PKTNV và THA)
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa